VĂN CÚ KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN 8
(Phần Thượng)

Từ "Dần dần đầy đủ đạo Bồ-tát" trở xuống, là thọ ký. Văn chia làm bảy:

1. Nhân viên.
2. Từ "Qua vô lượng" trở xuống: Quả mãn.
3. Quốc độ rộng lớn thanh tịnh.
4. Tên của quốc độ kiếp số .
5. Thọ lượng của Phật.
6. Pháp trú nơi Đại thừa lâu xa.
7. Sau khi Phật diệt độ cúng dường xá lợi.

- Phần ba: Quốc độ rộng lớn thanh tịnh. Lại chia làm năm:

1. Quốc độ rộng lớn nghiêm tịnh. "Đất bằng phẳng như bàn tay", kinh đặc biệt nói "như bàn tay" mà không nói cánh tay. Vì cánh tay không bằng phẳng thì không thể dẫn dắt được. Đáy biển có loại đá gọi là "bàn tay", đá này không có một chút đất bám, đều bằng phẳng, đúng là loại như "bàn tay biển". Lại, kinh Hiền Kiếp nêu như bàn tay Phật, chẳng dẫn bàn tay người.

2. Toàn là đường thiện.

3. Nhân thiên phước tuệ đầy đủ. Kinh Nguyệt Tạng quyển chín nói "pháp thực, hỷ thực, thiền thực". Kinh văn đây nói chung "pháp hỷ thực và thiền duyệt thực". Phân biệt nên có ba thứ khác nhau.

4. Chúng Bồ-tát Thanh văn số rất nhiều.

5. Tổng kết. Kinh Nguyệt Tạng quyển năm nói: Không sát sinh thì được mười thứ công đức: Thứ nhất: Đối với tất cả chúng sinh được vô sở úy (không sợ), cho đến Thứ mười: Khi mạng chung sinh vào đường thiện sau được làm Phật. Nước của Phật đó không có công cụ binh khí để giết hại, người trong nước sống lâu. Không trộm cắp được mười thứ công đức: Thứ nhất: Quả báo đầy đủ mà lớn (đại), làm việc quyết đoán không có khó khăn ngăn ngại, cho đến Thứ mười: Chết sinh vào

đường thiện, sau làm Phật, nước của Phật ấy hoa báu trang nghiêm đầy khắp. Không dâm dật thì được mười thứ công đức: Thứ nhất: Các căn luật nghi, làm việc quyết đoán cho đến Thứ mười: Chết sinh vào đường thiện, sau làm Phật, nước của Phật ấy không có người nữ. Không vọng ngữ thì được mười thứ công đức: Thứ nhất: Chúng sinh tin lời nói của người ấy, cho đến Thứ mười: Chết sinh vào đường thiện, sau làm Phật, cõi của Phật ấy không hôi hám, thường đầy hoa báu. Không lưỡng thiệt (nói hai lưỡi) thì được mười thứ công đức: Thứ nhất: Thân không bị hoại, cho đến Thứ mười: Chết sinh vào đường thiện, sau làm Phật, cõi của Phật ấy ma không làm hại được quyến thuộc. Không ác khẩu thì được mười thứ công đức: Thứ nhất: Lời nói êm diệu cho đến Thứ mười: Chết sinh vào đường thiện, sau làm Phật, nước của Phật ấy pháp âm vang khắp. Không ỷ ngữ (nói thêu dệt) thì được mười thứ công đức: Thứ nhất: Được trời người thương kính, cho đến Thứ mười: Chết sinh vào đường thiện, sau làm Phật, chúng sinh cõi ấy ghi nhớ lâu không quên mất. Không tham thì được mười thứ công đức: Thứ nhất: Thân căn không thiếu khuyết, cho đến Thứ mười: Chết sinh vào đường thiện, sau làm Phật, cõi nước của Phật ấy không có ác ma ngoại đạo. Không sân thì được mười thứ công đức: Thứ nhất: Xa lìa tất cả sân, cho đến Thứ mười: Chết sinh vào đường thiện, sau làm Phật, người ở cõi nước của Phật ấy đều đắc Tam-muội. Không tà kiến thì được mười thứ công đức: Thứ nhất: Tâm tánh nhu thiện, cho đến Thứ mười: Chết sinh vào đường thiện, sau làm Phật, người ở cõi của Phật ấy có chánh tín.

Kệ có hai mươi mốt hàng rưỡi, tụng Phát tích Thọ ký bên trên. Chia làm hai phần : 1. Mười bốn hàng, tụng Phát tích. 2. Bảy hàng rưỡi, tụng Thọ ký.

Tụng Phát tích lại có hai: 1. Bảy hàng, tổng phát tích Thanh văn, tụng ý "chúng con" bên trên. 2. Bảy hàng, tụng phát tích Mãn Nguyện bên trên.

Trong Tổng Phát tích chia làm năm: 1. Một hàng, tổng nêu: Phật tử vì thực hành khó nghĩ bàn, đã chứng đắc pháp thùy tích. 2. Từ "Biết chúng ưa pháp nhỏ" trở xuống một hàng, nêu nguyên do phát tích. 3. Từ "Dùng vô số phương tiện" trở xuống hai hàng, nêu lợi ích của thùy tích. 4. Từ "Trong ẩn hạnh Bồ-tát" trở xuống, hai hàng, nêu bên trong ẩn chứa Đại đạo, ngoài hiện lầm lỗi của Tiểu thừa. 5. Từ "Ta nghe nói đủ cả". trở xuống, một hàng, chỉ lược ức chế rộng. "Tiểu dục": cầu Tiểu thừa, "giãi đãi" : thoái Đại thừa. Không ngừng thị hiện làm Thanh văn, mà còn làm ngoại đạo và làm phàm phu với ba độc. Thân-tử hiện sân,

Nan-đà hiện tham, Điều-đạt hiện si v.v...

Từ "Nay Phú-lâu-na đây" trở xuống, bảy hàng tụng phát bản tích của Mãn Nguyện. Văn trên có ba, nay lược tụng hai: 1. Năm hàng: tụng hiển Bản quá khứ. 2. Từ "Đời sau cũng cúng dường" trở xuống, hai hàng: tụng hành nhân ở nơi ba đời chư Phật, lược không tụng bảy đức Phật và Phật hiện tại.

Từ "Cúng dường chư Như Lai" trở xuống, bảy hàng rưỡi: tụng Thọ ký. Văn trên có bảy, nay tụng bốn: 1. Nửa hàng đầu, tụng nhân viên. 2. Nửa hàng, tụng quả mãn. 3. Từ "Nước đó tên Thiện Tịnh" trở xuống, ba câu: tụng tên nước, kiếp. 4. Từ "Chúng Bồ-tát rất đông" trở xuống, năm hàng ba câu: tụng quốc độ rộng lớn thanh tịnh. Lược không tụng thọ mạng, pháp trụ, sau khi diệt xây tháp.

Phần thứ hai: Thọ ký một ngàn hai trăm vị. Văn chia làm ba phần: 1. Niệm thỉnh. 2. Thọ ký. 3. Lãnh giải. Phần Niệm thỉnh: như văn. Phần Thọ ký có trường hàng và kệ tụng. Trường hàng có ba phần: 1. Tổng chấp nhận thọ ký cho một ngàn hai trăm vị. 2. Biệt thọ ký cho Kiều-trần-như, Trần-như là người đầu tiên ngộ đạo, Thượng tọa đứng đầu, cho nên biệt thọ ký. 3. Biệt thọ ký cho năm trăm vị. Năm trăm vị tên đồng, nên phải biệt thọ ký.

Hỏi: Chỉ thấy năm trăm vị được thọ ký, sao không thấy một ngàn hai trăm?

Đáp: Năm trăm đây tức là số một ngàn hai trăm. Trong phần kệ tụng, một hàng rưỡi cuối là tổng thọ ký cho bảy trăm, cho nên nói một ngàn hai trăm.

Lại, Phẩm Trì nói: "Ta trước nói chung tất cả hàng Thanh văn đều đã thọ ký" tức là chỉ một hàng rưỡi đó, chẳng phải chỉ thọ ký cho bảy trăm Thanh văn thôi.

Kệ tụng có mười một hàng chia làm hai: 1. Chín hàng rưỡi, tụng thọ ký Kiều-trần-như và năm trăm vị. 2. Một hàng rưỡi, tổng thọ ký hết thảy Thanh văn.

Văn nói về năm trăm vị lãnh giải có Trường hàng và Kệ tụng. Phần Trường hàng chia hai phần: 1. Kinh gia trình bày hoan hỷ. 2. Tự trình bày lãnh giải.

Phần Kinh gia trình bày, chia làm hai phần: 1. Vui mừng: nay được hiểu cho nên hoan hỷ. 2. Hổ thẹn vì xưa không hiểu, cho nên tự trách. Trong phần Vui mừng lại có hai : Một : trong tâm vui mừng; Hai : bên ngoài thì cung kính. "Ăn năn lỗi mình mà tự trách": tức là hổ thẹn vì xưa không hiểu.

Từ "Thế Tôn! Chúng con" trở xuống, là phần hai: Tự trình bày lãnh giải. Có hai phần: 1. Pháp thuyết. 2. Thí thuyết.

Trong Pháp thuyết lại có hai: 1. Hối hận vì được Tiểu trí cho là đủ. 2. Trách mình căn độn khó ngộ. Từ "Thế Tôn" cho đến "diệt độ" là: Hối hận tự trách lúc trước mình mê, được Tiểu mà cho là đủ mà không biết cầu Đại. Từ "Nay mới biết" là Trách căn độn bắt đầu ngộ không biết sớm hơn. Nay biết Tiểu thừa chẳng phải cứu cánh, Đại thừa là chân thật.

Trong Thí thuyết có hai: 1. Lược; 2. Chánh nêu thí dụ. Từ "Như người vô trí" trở xuống, là Lược nêu Thí dụ để so sánh. Từ "Vì sao?" trở xuống: giải thích ý vô trí.

Thí thuyết có hai:

1. Thí dụ Say rượu: Ví như "tự hối hận, được Tiểu mà cho là đủ, không biết cầu Đại" trong phần Pháp thuyết bên trên; lãnh hội được ý "trong đời trước thiết lập quyền" ở phần Pháp thuyết trước.

2. Thí dụ Bạn thân giác ngộ cho: Ví như "tự trách căn độn khó ngộ, nay mới biết" trong phần Pháp thuyết bên trên; lãnh hội được ý "trong đời trước hiển thật" ở phần Pháp thuyết trước.

Thí dụ đầu lại có ba ý: 1. Cột châu trong áo, lãnh hội ý trên: "vương tử kết duyên". 2. Say nằm không biết gì, lãnh hội ý trên: "gặp kia thoái Đại thừa". 3. Say xong dậy đi đến nước khác, lãnh hội ý trên: "dùng Tiểu để dẫn dắt".

Ý thứ nhất: Cột châu trong áo. "Ví như có người": người hàng nhị thừa. "Bạn thân": vị vương tử thứ mười sáu ngày trước. "Nhà": Đại thừa giáo là nhà. "Say rượu mà nằm": Lúc bấy giờ đại cơ bỗng phát sinh, vô minh tạm thời bị hàng phục. Được nghe kinh thì trong tâm hiểu chút ít, do vô minh nặng cho nên mê lầm trở lại. "Say" có hai nghĩa: 1. Say nặng, hoàn toàn không biết gì. 2. Say nhẹ, hiểu biết chút ít, có tư duy thô đối với sự lý rồi thì quên mất, cũng gọi là không biết. Tuy có hai nghĩa cuối cùng vẫn thành tựu nghĩa buộc châu vào áo như dụ "Tiếng trống độc"(độc cổ). "Người bạn thân có việc quan phải đi": vương tử vì ở chỗ khác có cơ duyên thích hợp đến ứng, cho nên nói "phải đi". Hoằng pháp giáo hóa chúng sinh, đây chẳng phải việc riêng, cho nên nói "việc quan". "Châu báu vô giá": Nhất thừa thật tướng, chân như trí quí báu. "Cột trong áo": là tàm quí nhẫn nhục có thể ngăn ngừa sân nhuế và phòng ác bên ngoài tức là "áo ngoài"; trong tâm tín ưa là thiện căn bên trong, tức là "áo trong" (lót). Lúc ấy nghe pháp, có chút tin hiểu ưa muốn, tức liễu nhân trí nguyện chủng tử.

Ý thứ hai : "Say nằm không biết gì". Vô minh tâm khó suy lường, có tư duy thô đối với sự lý rồi lại không nhớ, đây là lãnh hội ý "giữa đường biếng nhác thoái lui, không thọ Đại pháp".

Ý thứ ba "Say xong dậy đi dạo đến nước khác": lãnh hội ý: "giữa đường dùng Tiểu dẫn dắt, thọ giáo hóa Tam thừa bên trên". Thiện căn muốn phát, chán khổ cầu vui, cho nên nói "sau khi dậy đi dạo". Do vô minh che lấp, không hiểu biết hướng bản xứ cầu cơm áo Đại thừa, cho nên nói: "hướng đến nước khác cầu cơm áo Tiểu thừa". Nếu ma Phật đối nhau, thì cõi ma sinh tử là "nước khác", Phật pháp Đại Tiểu đều là "nước mình". Nếu căn cứ Tiểu Đại đối nhau, thì Tiểu thừa chưa thoát khỏi sinh tử, cũng là "nước khác", Đại thừa vĩnh viễn thoát sinh tử, chính là "nước mình", cuối cùng cũng trở lại cội nguồn. Rõ ràng trái với nước Đại thừa hướng đến nước Tiểu thừa, là không biết lấy hạt châu để tự nuôi, mà đi làm thuê làm mướn tự nuôi thân, nhận lấy tiền công từng ngày được chút ít cho là đủ.

Từ "Về sau người bạn thân gặp lại" trở xuống, là thí dụ Bạn thân giác ngộ cho, lãnh hội ý "vì bản nhân duyên đó, nay thuyết Pháp Hoa, đồng ban cho xe lớn" bên trên. Đây chia làm ba phần: 1. Quở trách. 2. Chỉ bày hạt châu. 3. Khuyên đem đổi sử dụng. Quở trách: dụ cho "động chấp sinh nghi" bên trên. Chỉ bày hạt châu: dụ cho nhân duyên đời trước. Khuyên đổi sử dụng : dụ cho được thọ ký làm Phật. Ba vòng đều có ba ý này. Trong Pháp thuyết ta khiến thoát khổ phược, tức là Quở trách. Chương năm đức Phật tức là Chỉ bày hạt châu, Thân-tử được thọ ký tức là Khuyên đem đổi sử dụng. Trong Thí thuyết : "Ta trước không nói đều là Bồ-đề ư ?", là Quở trách. Ba xe một xe, tức là Chỉ hạt châu. Hàng trung căn được thọ ký, tức là Khuyên đem đổi sử dụng. Lại nữa, nói về Nhân duyên đời trước của hàng hạ căn: "Các ông khéo lắng nghe", tức là Quở trách. Lại giảng kết duyên trở lại vì họ mà thuyết Đại thừa, tức là Chỉ bày hạt châu. Hạ căn được thọ ký, tức là Khuyên đem đổi sử dụng.

Đối chiếu ba ý trong dụ "Buộc châu trong áo" với ba vòng thuyết pháp, như sau: Ban đầu đức Phật ngồi dưới gốc cây dự định dùng Đại thừa để hóa độ tức là "Buộc hạt châu". Không có cơ duyên, thôi hóa, tức là "say nằm". Suy lường thiết lập phương tiện, tức là "đứng dậy đi". Trong các thí dụ trước: Ở nơi hai vạn ức Phật, tức là "Buộc hạt châu". Sai người đuổi theo, mê ngã xuống đất, không nhận, tức là "say nằm". Ba xe dẫn đắc, tức là "đứng dậy đi". Trong phần nói về Nhân duyên: Ở chỗ Phật Đại Thông Trí Thắng, tức là "buộc hạt châu". Giữa đường

biếng nhác thoái lui, tức là "say nằm". Dùng Tiểu tiếp dẫn, tức là "đứng dậy đi". Những thứ này, đều gọi là lãnh hội Quyền. "Ngày tháng năm đó": là chỉ ở nơi đức Phật Đại Thông Trí Thắng.

Từ "Đức Phật cũng như vậy" trở xuống, là Hợp thí. Thí vốn có hai, nay đều có ba ý. Hợp thí dụ trươc : Từ "Giáo hóa chúng con" trở xuống, hợp ý thứ nhất "buộc hạt châu". Từ "Mà chúng con liền bỏ quên" trở xuống, hợp ý thứ hai "Say không biết gì". Từ "Đã đắc La-hán" trở xuống, hợp ý thứ ba "đứng dậy đi du hành". Từ "Tất cả trí nguyện" trở xuống, hợp thí dụ sau: Bạn thân giác ngộ cho. Trên có ba ý, đây cũng có ba. Từ "trí nguyện chẳng mất" trở xuống, là hợp ý thứ nhất : Quở trách. Từ "Ta từ lâu đã khiến các ông" trở xuống, hợp ý thứ hai "Chỉ hạt châu". Từ "Chúng con nay mới biết" trở xuống, hợp ý thứ ba "Khuyên đem đổi sử dụng".

Phần Kệ tụng tiếp mười hai hàng rưỡi, chia làm hai phần: Phần một : Một hàng rưỡi, tụng trong tâm được hiểu ; lại gồm có hai ý: 1. Một hàng, tụng ý vui mừng. 2. Nửa hàng, tụng ý hối hận tự trách.

Phần hai: Từ "Trong Phật báu vô lượng" trở xuống, mười một hàng, tụng tự trình bày lãnh giải. Trên văn có hai ý. Đây thì : Nửa hàng đầu, tụng hối hận tự trách được chút ít cho là đủ. Lược không tụng "khó ngộ, nay mới biết". "Như người ngu vô trí" trở xuống nửa hàng tụng lược nêu thí dụ, "Bèn tự cho là đủ" tụng giải thích ý vô trí. Tiếp mười hàng, tụng thí thuyết khai hợp. Sáu hàng đầu tụng khai, bốn hàng sau tụng hợp. Phần Khai bên trên có hai ý.Đây cũng có hai: 1. Bốn hàng đầu, tụng Bỏ báu mà không biết. 2. Hai hàng sau, tụng Bạn thân giác ngộ cho. Phần còn lại văn dễ hiểu.